2026-11-07 CSCABS_C10_004

Mã bài CSCABS_C10_004

Bộ bổ sung · Câu 004 · Ngày 2026-11-07

Chương 10 - Đường conic · Khó

Kết quả / 答案 D

解题步骤 · Lời giải tiếng Trung

第1步：圆心 $(2,0)$，半径 2，弦心距 $d=\sqrt{4-3}=1$。

→ 原理：两点间距离（向量的模）：$AB=\sqrt{(x_2-x_1)^2+(y_2-y_1)^2}$（勾股定理），空间中再加 $(z_2-z_1)^2$。

第2步：$\frac{|2k|}{\sqrt{k^2+1}}=1$，$3k^2=1$，$k=\pm\frac{\sqrt{3}}{3}$。

→ 原理：继续运用：两点间距离（向量的模）：$AB=\sqrt{(x_2-x_1)^2+(y_2-y_1)^2}$（勾股定理），空间中再加 $(z_2-z_1)^2$。

结论：选 D。

Các bước giải · Lời giải tiếng Việt

Bước 1 – Tâm $(2;0)$, bán kính 2; khoảng cách từ tâm đến dây: $d=\sqrt{4-3}=1$.

→ Lý thuyết: Khoảng cách hai điểm (độ dài vectơ): $AB=\sqrt{(x_2-x_1)^2+(y_2-y_1)^2}$, chính là định lý Pythagore; trong không gian thêm $(z_2-z_1)^2$. Phương trình chứa bình phương thường cho hai nghiệm, phải lấy đủ.

Bước 2 – $\frac{|2k|}{\sqrt{k^2+1}}=1 \iff 4k^2=k^2+1 \iff k=\pm\frac{\sqrt{3}}{3}$.

→ Lý thuyết: tiếp tục áp dụng – Khoảng cách hai điểm (độ dài vectơ): $AB=\sqrt{(x_2-x_1)^2+(y_2-y_1)^2}$, chính là định lý Pythagore; trong không gian thêm $(z_2-z_1)^2$.

Kết luận: chọn D.

Mở đề bài / 查看题目